

Một số biện pháp hạn chế khoảng cách tiếp nhận cho học sinh khi dạy học tác phẩm “Nhàn” (Ngữ văn lớp 10, tập 1)

ThS Lã Phương Thúy

Đại học Giáo dục- ĐH Quốc gia Hà Nội

I. Đặt vấn đề

Trong khoảng một thập niên trở lại đây, việc thay sách giáo khoa và đổi mới phương pháp dạy – học môn Ngữ văn đã được tiến hành trên cả nước. Đặc biệt, sự kiện Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã nhất trí thông qua Đề án đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục và đào tạo một lần nữa khẳng định sự đúng đắn và cấp thiết của việc đổi mới toàn diện nền giáo dục và đào tạo ở nước ta nói chung và ở bộ môn Ngữ văn nói riêng. Không thể phủ nhận trong thời gian qua chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể trong công tác dạy và học bộ môn này. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đáng mừng thì việc dạy học môn Ngữ văn nói chung và phân môn văn học trung đại (VHTĐ) trong chương trình THPT nói riêng vẫn gặp những hạn chế nhất định.

II. Nội dung

1. Một số khó khăn trong dạy học phân VHTĐ ở THPT

Trong dạy học VHTĐ Việt Nam chúng ta vấp phải khó khăn đầu tiên đó là do đặc trưng của VHTĐ Việt Nam. Cùng với văn học hiện đại, VHTĐ có một đóng góp không nhỏ vào tiến trình phát triển văn học nước nhà và đã đạt được những thành tựu rực rỡ cả về mặt nội dung lẫn nghệ thuật. Tuy nhiên, bản thân nền văn học này đã là những bí ẩn ngay cả với thế hệ độc giả đương thời bởi ngay giữa cái mà tác giả biểu đạt trong tác phẩm với những cái mà độc giả tìm trong tác phẩm đó đã có độ chênh nhất định. Đó là chưa kể đến việc trải qua thời gian, ngôn ngữ, tư duy và tư tưởng của người tiếp nhận cũng có sự thay đổi.

Mặt khác, về phía người dạy, như chúng ta đã biết, hiện nay có rất nhiều giáo viên giỏi, tâm huyết với nghề nên đã chịu khó tìm tòi những phương pháp giảng dạy, tìm tòi nguồn tư liệu liên quan đến văn bản tác phẩm và cuộc đời tác giả. Vì vậy, họ đã đạt được những thành công trong quá trình giảng dạy VHTĐ. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp giáo viên ngại dạy phân VHTĐ do đó đầu tư ít về thời gian để tìm hiểu và đưa ra phương pháp dạy phù hợp cho phân văn học

này dẫn tới tình trạng dạy qua loa nên chất lượng tiếp thu bài giảng của HS bị hạn chế.

Về phía người học, một phần do khả năng tiếp nhận kiến thức hạn chế, một phần do hoàn cảnh thời đại và yếu tố tâm lí lứa tuổi tác động không nhỏ tới việc học các sáng tác VHTĐ dẫn tới tình trạng người học không thấy sự hứng thú với môn học nói chung và phần VHTĐ nói riêng. Chính vì vậy dẫn tới tình trạng việc tìm hiểu của HS về phần văn học này còn hạn chế và không những thế, việc học phần văn học này với phần lớn HS chỉ là chống đối.

2. Vấn đề khoảng cách tiếp nhận

Bên cạnh những nguyên nhân kể trên thì một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới kết quả học tập phần VHTĐ ở nhà trường PT còn thấp chính là vấn đề khoảng cách tiếp nhận. Đây là một khái niệm của lí thuyết tiếp nhận. Theo PGS. TS Nguyễn Thị Thanh Hương thì *khoảng cách tiếp nhận* có nhiều tên gọi khác nhau. Tác giả cho rằng, khoảng cách tiếp nhận là *khoảng cách thẩm mĩ. Khoảng cách thẩm mĩ được hiểu là độ chênh lệch, sự xa cách giữa tiếp nhận thẩm mĩ của bạn đọc trước một văn bản văn học* (Nguyễn Thị Thanh Hương, *Dạy học văn ở trường phổ thông*, NXB Đại học Quốc Gia HN 2001). Nói cách khác, khoảng cách thẩm mĩ là khái niệm xác định mức bất ngờ của tác phẩm đối với độc giả và xác định giá trị thi học của nó. Theo quan niệm của lí thuyết tiếp nhận, một trong những tiêu chuẩn để xác nhận giá trị thẩm mĩ của một tác phẩm nghệ thuật chính là những biểu hiện của trạng thái tâm lí của người tiếp nhận tác phẩm đó. Sự thất vọng, thờ ơ hay khoan khoái, ngạc nhiên ở đây chính là biểu hiện tâm lí của người tiếp nhận khi mà khoảng cách giữa tầm chờ đợi của độc giả và tầm chờ đợi của tác phẩm có những giá trị khác nhau. Khoảng cách giữa tầm đón nhận của độc giả, tức là những cái thuộc về kinh nghiệm thẩm mĩ đã trải qua và tầm chờ đợi tiếp nhận của tác phẩm chính là khoảng cách thẩm mĩ mà những thông số khác nhau của nó có thể chi phối đến tính nghệ thuật của tác phẩm và ngược lại. Vì vậy, nếu một tác phẩm thật sự có giá trị thì trước sau gì nó vẫn tồn tại và khoảng cách thẩm mĩ sẽ dần dần được rút ngắn theo hướng tầm đón nhận của độc giả tiếp cận gần với tầm đón nhận của tác phẩm. Hiện tượng khoảng cách thẩm mĩ bị rút ngắn do độc giả hạ tầm đón nhận của nó cho phù hợp với tầm đón nhận của mình đôi khi cũng xuất hiện và đó là một hiện tượng tiêu cực do nhiều nguyên nhân chủ quan hơn là khách quan.

Theo GS. Nguyễn Thanh Hùng trong *Đọc và tiếp nhận văn chương* (NXB Giáo dục 2002, trang 51) thì có rất nhiều nguyên nhân dẫn tới khoảng cách thẩm mĩ. Nguyên nhân đó là *tri thức chuyên ngành, trình độ văn hóa, đặc điểm tâm lý của cá nhân, của thế hệ và của thời đại khi tiếp nhận văn học*.

Như vậy, khoảng cách thẩm mỹ đặt ra vấn đề mà mỗi giáo viên trong mỗi buổi lên lớp phải đảm bảo thực hiện là điều chỉnh khoảng cách thẩm mỹ cho phù hợp với thực tế. Mỗi tác phẩm có một tầm chờ đợi riêng, mỗi người học, nhóm học sinh, sinh viên có một tầm đón nhận riêng, vấn đề là người dạy văn phải biết cách điều chỉnh khoảng cách này sao cho “phù hợp nhất”. Điều này đòi hỏi người giáo viên dạy văn phải là một người nghệ sĩ trên lớp học. Khả năng diễn đạt, dẫn dắt người học để họ tiếp nhận tác phẩm một cách hiệu quả phải dựa vào sự xác định được tầm đón nhận ban đầu của người học và tầm chờ đợi của tác phẩm. Thực tế cho thấy, việc dạy văn không hiệu quả phần lớn do giáo viên không quan tâm điều chỉnh khoảng cách thẩm mỹ hoặc không nhận thức được vấn đề này. Nếu giáo viên để khoảng cách thẩm mỹ quá xa, người học sẽ cảm thấy khó tiếp cận, khó hiểu, khó chấp nhận. Nếu giáo viên đẩy tầm chờ đợi của tác phẩm tiến sát tầm đón nhận của người đọc thì HS sẽ mất đi hứng thú trong tiếp nhận. Tác phẩm văn học sẽ không còn cuốn hút HS vì khoảng cách thẩm mỹ quá ngắn. Do vậy, không phải giảng giải tường tận về tác phẩm, phơi bày toàn bộ cái hay, cái đẹp của tác phẩm là nâng cao hiệu quả tiếp nhận của người học.

3. Một số biện pháp hạn chế khoảng cách tiếp nhận cho HS khi dạy bài *Nhàn*- Ngữ văn 10

Nhàn được sáng tác bởi nhà thơ Nguyễn Bình Khiêm – một người thông tuệ, giỏi văn chương, biết lý số. Ông sống trọn đời trong thế kỉ XVI – thế kỉ của những mâu thuẫn gay gắt. Đó là thời đại nhà Lê suy thoái, các phe phái chém giết lẫn nhau. Mãi đến khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, lập ra triều đại mới, đất nước mới có một thời gian ổn định. Suốt thời trai trẻ, ông sống một cuộc sống ẩn dật. Cho đến mãi năm 45 tuổi, ông mới chịu ra thi. Ba lần thi hương, thi hội, thi đình ông đều đỗ đầu. Từ đó ông làm quan cho nhà Mạc và cũng hi vọng rất nhiều vào nhà Mạc. Không chịu nổi cảnh bọn lộng thần hoành hành, ông dâng sớ xin chém đầu 18 lộng thần nhưng không được vua chấp nhận. Bất mãn với thời cuộc, ông bèn rút về trí sĩ ở quê nhà là làng Trung Am và sống cuộc đời phóng khoáng.

Bài thơ được tác giả sáng tác trong khoảng thời gian ông đã là một trí sĩ về ở ẩn tại quê nhà. Bài thơ được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, mang đậm triết lý nhân sinh của tác giả. Với Nguyễn Bình Khiêm, *nhàn* là một cách phủ nhận danh lợi, coi thường cái bả vinh hoa, phú quý. Giữa cõi đời tạp nham kẻ phạm người thánh, ông đã chọn cho mình một lối đi riêng, một cách sống riêng. Đó là việc ông sống hòa mình vào thiên nhiên, kết giao với bè bạn cùng trăng thanh, gió mát. Ông ngoảnh mặt trước giàu sang phú quý. Ở ẩn với ông không chỉ là bộc lộ thái độ phản ứng trước cuộc đời mà còn thể hiện một quan niệm nhân sinh: sống thuận theo với tự nhiên, vui với đạo trời, ung dung tự tại, nhàn tản mà không quên đời, lánh đời.

- Định hướng tiếp nhận thông qua việc hướng dẫn HS chuẩn bị bài

Định hướng tiếp nhận thông qua việc chuẩn bị bài của HS là công việc bước đầu của tiếp nhận văn học. Biện pháp này nhằm mục đích kích lệ HS làm quen với văn bản và lưu giữ lại cảm xúc ban đầu khi tiếp cận tác phẩm. Vì vậy, việc đọc kĩ tác phẩm và chuẩn bị bài ở nhà của HS là một điều vô cùng quan trọng, đặc biệt là những tác phẩm khó như VHTĐ.

Theo tôi, để định hướng việc tiếp nhận thông qua chuẩn bị bài về nhà của HS, trước khi dạy bài *Nhàn*, GV có thể phân nhóm và giao nhiệm vụ cho lớp từ trước.

- Nhóm 1: sưu tầm tranh, ảnh, những câu chuyện, những giai thoại liên quan tới cuộc đời và sự nghiệp sáng tác văn chương của Nguyễn Bình Khiêm.
- Nhóm 2: sưu tầm những bài viết, bài phân tích viết về tác phẩm *Nhàn* của Nguyễn Bình Khiêm.
- Nhóm 3: trả lời những câu hỏi trong sách giáo khoa.

Thông qua việc phân chia HS thành các nhóm tự tìm hiểu chủ đề của mình, GV sẽ phát huy tính hiệu quả và chủ động trong việc chuẩn bị bài về nhà của HS. Không những thế, khi yêu cầu HS chọn một ý kiến, bài viết về vấn đề mình tìm hiểu mà nhóm tâm đắc nhất sẽ góp phần rèn luyện cho HS đưa ra ý kiến của cá nhân mình. Mặt khác, HS cũng tránh được tình trạng bị “ngập” trong vô số luồng ý kiến khác nhau. Ngoài ra, cách học này còn tránh được tình trạng HS chép bài của nhau hoặc chép bài trên các tài liệu tham khảo trong quá trình soạn bài. Đồng thời, việc phân chia nhóm làm việc và tìm kiếm tài liệu sẽ góp phần giúp các em hình thành những kĩ năng như: kĩ năng tìm kiếm tài liệu, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng phản biện, kĩ năng đưa ra ý kiến cá nhân,...

- Cắt nghĩa, chú giải những từ ngữ khó

Trong văn học, *Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học*, ngôn ngữ trở thành vật liệu xây dựng nên những hình tượng, diễn đạt tư tưởng nghệ thuật. Nếu học sinh nhận thức được những đặc điểm của ngôn ngữ trong một tác phẩm văn học thì các em sẽ cảm nhận được sâu sắc về nghệ thuật, nội dung tư tưởng của tác phẩm đó. Nếu không, ngược lại các em chỉ chú ý đến chủ đề mà không chú ý đến ngôn ngữ tác phẩm – tuy vẫn tri giác được nó nhưng các em mới chỉ có một ấn tượng chung, một sự đánh giá chung chứ chưa có được những hình tượng nhất định để hiểu và cảm nhận một cách sâu sắc. Mặt khác, trong các tác phẩm văn chương trung đại thì khó khăn đầu tiên đối với tiếp nhận văn học đó là vấn đề ngôn ngữ. Việc dạy học các tác phẩm VHTĐ trên các văn bản gốc (chữ Hán) là điều rất khó khăn, bởi lẽ rất ít giáo viên có đủ trình độ tiếng Hán cổ hay chữ Nôm để có thể giúp học sinh tiếp

nhận tác phẩm trên bản gốc. Trong khi đó, ở các bản dịch tác phẩm trung đại, có một số tác phẩm hay, dịch sát với văn bản tác phẩm nhưng một số khác thì chưa chuyển tải hết nội dung, ý nghĩa từ ngữ mà tác giả muốn đề cập. Mặt khác, trong các tác phẩm VHTĐ, một số tác phẩm dù được viết bằng chữ Nôm nhưng vẫn gây nhiều khó hiểu đối với học sinh THPT hiện nay. Bởi lẽ, như đã phân tích ở trên, chúng ta ngày nay được sống trong một nền văn hóa của thời đại mới, nên những suy nghĩ, cách sử dụng các từ ngữ cũng có sự khác nhau. Một số từ ngữ trong văn bản cổ hiện nay hầu như không còn hoặc rất ít khi được sử dụng trong ngôn ngữ toàn dân. Vì vậy, khi từ ngữ đó xuất hiện trong tác phẩm HS sẽ trở nên lúng túng, khó hiểu. Điều này đòi hỏi khi dạy học tác phẩm VHTĐ, giáo viên cần quan tâm tới việc cắt nghĩa, chú giải từ ngữ khó để HS có thể hiểu được ý nghĩa của từ ngữ từ đó mới có thể phân tích được nội dung mà tác giả muốn truyền tải.

Cắt nghĩa là để tìm ra ý nghĩa của văn bản. Thông qua việc cắt nghĩa, các yếu tố, các hình ảnh, các từ, các câu, các bộ phận,... trong chỉnh thể của mạch văn làm cho chúng bộc lộ ý nghĩa riêng của từng thành phần. Thông qua quá trình cắt nghĩa, giáo viên sẽ làm sáng tỏ được những từ ngữ, những câu, những hình ảnh mà người viết đề cập.

Mặt khác, việc cắt nghĩa phải đi liền với việc phân tích và chú giải từ. Bởi lẽ, nhờ có phân tích thì cắt nghĩa mới có thể làm sáng tỏ những điểm tiếp nhận độ đáo của tác phẩm, góp phần phát triển ngày càng cao năng lực sáng tạo của học sinh. Có một đặc điểm nữa mà khi sử dụng biện pháp này giáo viên phải hết sức lưu ý đó chính là việc khi cắt nghĩa, chú giải từ ngữ, giáo viên cần quan tâm tới yếu tố ngữ cảnh, phải cắt nghĩa, chú giải từ trong điều kiện ngữ cảnh. Nếu không quan tâm tới vấn đề này thì nhiều khi từ ngữ được chú giải sẽ không được hiểu chính xác. Không những thế, nếu không gắn chú giải với từng hoàn cảnh thì vai trò của giáo viên trong giảng dạy cũng không còn nhiều. Bởi lẽ, lúc này HS chỉ cần xem các chú thích trong SGK tìm từ ngữ chú giải trong các cuốn từ điển là có thể tra ra ngay ý nghĩa của từ ngữ đó là gì mà không cần tới giáo viên.

Với biện pháp này, tôi sử dụng ở ba cấp độ. Đó là:

- Cắt nghĩa, chú giải từ
- Cắt nghĩa, chú giải câu
- Cắt nghĩa, chú giải điển tích, điển cố

Trở lại với tác phẩm *Nhàn* của Nguyễn Bình Khiêm, ngay từ câu đầu, tác giả đã sử dụng số từ “một”.

Ở câu thơ thứ hai, tác giả lại sử dụng từ láy “*thơ thần*” – một từ mà trong văn chương và cả đời sống hiện đại chúng ta rất ít khi gặp. Từ ngữ này cho ta thấy

tâm thể thanh thảo, có cái gì đó chậm rãi, nhẹ nhàng cho ta thấy tâm thể ung dung, tự tại không vướng bận ưu tư của nhà thơ.

Trong câu thơ thứ tư, từ láy “*lao xao*” là một từ láy tượng thanh. Từ láy này thường được sử dụng như để nói về tiếng động âm thanh nào đó. Ví dụ trong câu: “Hàng phi lao lao xao trước gió.” Trong câu này, vấn đề mà người viết muốn diễn đạt đó là việc miêu tả những chiếc lá phi lao bị gió thổi chạm vào nhau tạo thành những thanh âm của lá cây. Tuy nhiên, với Nguyễn Bình Khiêm, ông lại sử dụng từ láy này để nói về chốn cửa quyền, nơi mà người ta tranh giành nhau về quyền chức, lợi lộc.

Trong hai câu thơ năm và sáu của bài thơ, giáo viên cần hướng dẫn cho HS thấy được bức tranh bốn mùa: *thu – ăn măng trúc, đông – ăn giá, xuân – tắm hồ sen, hạ – tắm ao* là những thú vui tao nhã của người thời xưa. Vì vậy, khi giải thích đoạn này giáo viên cần có sự hiểu biết về những nét văn hóa của thời kì phong kiến. Bởi lẽ thời xã hội hiện đại, người ta không còn quan niệm những món ăn như măng trúc, giá đỗ hay tắm ao, tắm hồ sen là tao nhã. Còn trong thơ Nguyễn Bình Khiêm thì đây là những vẻ đẹp bình dị trong cách sống, lối sống của con người nơi thôn quê. Thông qua đó, vẻ đẹp nhân cách của nhân vật trữ tình trong bài thơ càng sáng hơn.

Trong hai câu cuối, từ “*cội cây*”: “*cội*” có nghĩa là nguồn cội, là điểm xuất phát; “*cội cây*” có nghĩa là gốc cây; “*chiêm bao*” là từ ngữ trước kia hay sử dụng, có nghĩa là giấc mơ. Cả hai câu xuất phát từ điển tích Thuần Vu uống rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hòe, rồi mơ thấy mình ở nước Hòe An, được công danh phú quý rất mực vinh hiển. Sau bừng mắt tỉnh dậy thì hóa ra đó chỉ là giấc mộng, thấy dưới cành hòe phía nam chỉ là một tổ kiến mà thôi. Từ đó điển này có ý: phú quý chỉ là một giấc chiêm bao. Giáo viên cần chỉ cho học sinh thấy được cách dùng điển này của tác giả càng khiến cho ngôn ngữ trong thơ Nguyễn Bình Khiêm càng thêm thâm trầm, sâu sắc nhưng vẫn giữ được vẻ giản dị. Bởi tuy sử dụng điển tích, điển cố nhưng tác giả đã gần như Việt hóa những từ ngữ để chúng gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân.

- Xây dựng hệ thống câu hỏi nhằm phát huy tính sáng tạo và khả năng tự cảm thụ của học sinh

Trong dạy học, câu hỏi giữ vai trò quan trọng trong việc tạo ra vấn đề cho HS tìm cách giải quyết. Từ đó nó có khả năng tác động tới tư duy thẩm mỹ của HS đồng thời tạo ra môi trường giao tiếp tạo cơ hội để HS đưa ra những hiểu biết, những ý kiến của mình.

Áp dụng việc đưa ra hệ thống câu hỏi nhằm phát huy tính sáng tạo và khả năng tự cảm thụ của học sinh THPT vào trong việc dạy học tác phẩm *Nhàn* của Nguyễn Bình Khiêm, giáo viên có thể đưa ra hệ thống câu hỏi như sau:

* Câu hỏi tái hiện: là dạng câu hỏi thường được dùng ở phần đầu của mỗi bài học nhằm giúp giáo viên kiểm tra kiến thức của HS, từ đó đưa ra phương pháp dạy thích hợp. Ví dụ: :

- Thơ trung đại thường sử dụng những hình ảnh nào mang tính ước lệ?
- Em hãy cho cô biết một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật thường được chia làm mấy phần ?

* Câu hỏi gợi mở: là dạng câu hỏi giúp HS từng bước có thể phát hiện, phân tích và tìm ra vấn đề của văn học. Câu hỏi gợi mở sẽ hỗ trợ cho phương pháp đọc sáng tạo giúp HS mở rộng, đào sâu hoạt động nhận thức của HS để phân tích, bình giá các hiện tượng văn học. Ví dụ:

- Bài thơ *Nhàn* mở đầu bằng hình ảnh thơ nào?
- Thông qua những hình ảnh tác giả sử dụng trong hai câu thơ đầu, em có thể liên tưởng tới khung cảnh như thế nào?

Mục đích khi đưa ra câu hỏi này là giáo viên muốn gợi mở cho HS tìm những hình ảnh thơ mà Nguyễn Bình Khiêm sử dụng sau đó so sánh với những hình ảnh quen thuộc trong thơ trung đại để thấy được nét sáng tạo riêng của nhà thơ khi sử dụng những hình ảnh gần gũi, thân thuộc với nhà nông mà không phải là những hình ảnh tượng trưng, hoa mỹ như thơ văn trung đại thường làm .

* Câu hỏi phát hiện: là dạng câu hỏi nhằm tác động vào suy nghĩ, tư duy của học sinh, buộc HS phải chủ động suy nghĩ, tìm hiểu và có sự hiểu biết sâu rộng. Để có được điều này đòi hỏi HS phải có khả năng nghiên cứu và khả năng sáng tạo trong quá trình phân tích, bình luận tác phẩm. Ví dụ:

- Ngoài cách phân chia bố cục như những bài thơ thuộc thể song thất lục bát khác thì bài thơ *Nhàn* còn có thể phân chia bố cục như thế nào?

- Thông qua tác phẩm *Nhàn*, tác giả muốn đưa ra triết lý sống như thế nào?

- Em suy nghĩ như thế nào về triết lý sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm? Theo em, triết lý sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm còn có ý nghĩa, giá trị ở thời đại ngày nay hay không ?

Đây là những câu hỏi buộc HS phải có sự liên kết kiến thức ở bài học và những hiểu biết của bản thân về văn hóa, xã hội, lịch sử thời kì trung đại để có thể nhận thức đúng về triết lý sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm. Đồng thời HS cũng cần liên hệ với quan niệm sống, lối sống của thời hiện đại, của đời sống đang diễn ra

xung quanh các em để tự nhận thức, lựa chọn cho mình lối sống đúng đắn. Điều này cũng góp phần làm tăng tính tích cực chủ động của HS trong quá trình học và giúp cho học sinh bớt áp lực hơn trong việc tiếp nhận bài học, rút ngắn khoảng cách giữa các em với những bài VHTĐ tưởng chừng như xa lạ với thế hệ hôm nay.

III. Kết luận

Trên đây là một số biện pháp nhằm hạn chế, rút ngắn khoảng cách tiếp nhận của HS THPT với bài *Nhàn* của Nguyễn Bình Khiêm. Dạy học VHTĐ ở THPT chắc chắn sẽ còn gặp nhiều khó khăn vì đây là một phần khó ngay cả đối với giáo viên phổ thông. Những ý kiến trên đây chỉ là những gợi ý có tính tham khảo cùng đồng nghiệp. Điều quan trọng là tùy vào mỗi văn bản cụ thể, người dạy cần có sự linh hoạt, khéo léo khi vận dụng các biện pháp để việc dạy VHTĐ nói riêng và dạy học văn nói chung đạt được hiệu quả tốt nhất.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thanh Hùng, *Đọc và tiếp nhận văn chương*, NXB Giáo dục, 2002.
- [2] Nguyễn Thị Thanh Hương, *Dạy học văn ở trường phổ thông*, NXB Đại học Quốc Gia HN 2001.
- [3] Nguyễn Thị Thanh Hương, *Định hướng hoạt động tiếp nhận sáng tạo tác phẩm văn chương cho học sinh trung học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, 2013.
- [4] Trần Thị Băng Thanh, Vũ Thanh, *Nguyễn Bình Khiêm về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, 2008.

